

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 35/2023/HSST

Ngày 14 – 03 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử phiên tòa trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2023/HSST ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/HSST-QĐ ngày 22/02/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn D**- sinh năm 1979. Tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam. CMND số: 121238660, do công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 30/7/2015. ĐKKHKT và nơi ở: Tổ dân phố số 4, thị trấn N, huyện YD, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông: Phan Văn D1, sinh năm: 1956; Con bà: Thân Thị Th, sinh năm: 1957. Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất. Vợ: Vũ Thị Thu H, sinh năm: 1980. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm: 2017. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2022 đến nay. Hiện tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo D có mặt tại điểm cầu thành phần là trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

*** Bị hại:** Thân Minh T, sinh năm: 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn PĐ, xã SM, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 02, đường NDD, phường TNH, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã HG, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn HT, xã HĐ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

4. Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn N, huyện YD, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Cao Văn B- sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã HG, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang

*** Người làm chứng:**

1. Nguyễn Công Th, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐP, xã XP, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang

2. Phan Thê T, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, xã XP, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang

3. Thân Đức H, sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PĐ, xã SM, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Nguyễn Trọng Gi, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã HG, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn D, sinh năm 1979, trú tại Tổ dân phố số 4, thị trấn N, huyện YD, tỉnh Bắc Giang và anh Thân Minh T, sinh năm 1998, trú tại thôn PĐ, xã SM, thành phố Bắc Giang có quen biết nhau do trước đây D đã từng thuê xe ô tô tự lái của anh T.

Trưa ngày 02/5/2021, do không có tiền để đặt mua hàng gia dụng ở Trung Quốc nên D nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái của anh T rồi đem đi cầm cố lấy tiền. D gọi điện thoại cho anh T hỏi thuê xe ô tô tự lái thì được anh T đồng ý. D

đón xe ô tô khách đi từ Lạng Sơn về thành phố Bắc Giang, sau đó D nhờ bạn là Phan Thế T, sinh năm 1993, trú tại Thôn Tr, xã XP, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang đi xe ô tô ra đón rồi đưa đến cửa hàng của anh T ở số nhà 257, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang. Tại đây, D thuê của anh T chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng biển số 30E - 970.50 trong thời hạn 08 ngày, kể từ ngày 02/5/2021 đến ngày 10/5/2021 với giá thuê xe là 1.300.000 đồng/01 ngày. Anh T đưa cho D 01 tờ giấy hợp đồng thuê xe theo mẫu in sẵn, D viết nội dung và ký tên vào hợp đồng thuê xe, rồi chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản của anh T để đặt cọc. Anh T giao chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30E-970.50 và giấy tờ xe cho D. Sau khi D thuê được xe thì anh Tiến đi về nhà. D điều khiển xe ô tô đã thuê của anh T đi đến khu vực chân cầu vượt Big C để lấy bếp từ và ấm siêu tốc được gửi từ Lạng Sơn về. Sau đó, D gọi điện cho anh Nguyễn Công Th, sinh năm 1985, trú tại Thôn ĐP, xã XP, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang nhờ tìm địa điểm thế chấp xe ô tô để vay tiền. Anh Thu đưa D đến nhà anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980, trú tại Thôn T, xã HG, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang. D đặt vấn đề với anh H cho thế chấp xe ô tô để vay 400.000.000 đồng. Anh H kiểm tra thấy có đầy đủ giấy tờ xe nên bảo với D là không nhận cầm cố xe mà chỉ đồng ý mua với giá 350.000.000 đồng. Do cần tiền nên D đã đồng ý bán chiếc xe ô tô cho anh H với giá tiền này. D viết vào giấy cam kết bán xe máy, ô tô theo mẫu in sẵn nhưng ghi nhầm thành ngày 01/5/2021. D bảo anh H chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 108004593003 mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam của chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1974, trú tại Thôn HT, xã HĐ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là Giám đốc Công ty cổ phần chuyên phát nhanh Hồng Hà. HAnh H chuyển tiền xong do phải đi có việc nên đã nhờ anh Cao Văn Bắc, sinh năm 1994, trú tại thôn Tân Tiến, xã Hương Gián, huyện Yên D là em họ anh H đến để làm thủ tục mua bán xe. Sau đó, anh H gọi điện cho vợ là Nguyễn Thị Nh và bảo chị Nh đưa 150.000.000 đồng tiền mặt cho anh B để trả nốt cho D. Khi anh B đến, D viết và ký vào tờ giấy bán xe và nhận của anh B số tiền 150.000.000 đồng. D cầm tiền và nhờ anh Thu đưa ra đường cao tốc Lạng Sơn - Hà Nội đón xe khách đi Lạng Sơn. Hết thời hạn thuê xe, anh T liên lạc với D để đòi xe thì D thừa nhận đã bán xe. Sau đó D chuyển khoản cho anh T 5.000.000 đồng trả tiền thuê xe và bỏ trốn. Ngày 28/9/2022, D bị Cơ quan điều tra bắt theo quyết định truy nã.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản và trưng cầu giám định chữ viết của Phan Văn D trên hợp đồng thuê xe tự lái đề ngày 02/5/2021 (ký hiệu A1) và giấy cam kết bán xe ô tô, xe máy đề ngày 01/5/2021 (ký hiệu A2). Kết luận giám định số 1805/KL- KTHS ngày 12/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Chữ viết có nội dung “Phan Văn D” dưới mục “Đại diện bên B” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết bằng mực màu xanh trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người viết ra).*

Kết luận định giá tài sản số 132/KL-HĐĐG ngày 24/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận: *01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu trắng, biển số 30E-970.50, loại xe số tự động, bản 1.5FL, sản xuất năm 2017, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 02/5/2021 là 450.000.000 đồng.*

Cơ quan điều tra đã cho anh Thân Minh T, Cao Văn Bắc, Nguyễn Công Th, chị Nguyễn Thị Nh nhận dạng ảnh của D. Kết quả những người trên đều nhận dạng đúng ảnh của D.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo Phan Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn D khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo thấy hối hận về việc đã thực hiện hành vi của mình và xin lỗi anh Thân Minh T.

Anh Thân Minh T khai D đã thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát 30E – 970.50 với giá 1.300.000 đồng/01 ngày, khi thuê xe D nói để sử dụng đi công việc, khiến anh tin tưởng cho thuê, sau đó D tự ý chuyển nhượng xe mà không được sự đồng ý của anh. Nay tài sản trên đã được cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho anh, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do D đã nhận thức được hành vi sai trái của bản thân và đã xin lỗi anh nên anh đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm được về với gia đình để lo cho các con nhỏ và cha mẹ.

Chị Vũ Thị Thanh H khai chị là vợ của bị cáo D, khi bị cáo làm ăn ở Lạng Sơn và có hành vi lừa đảo thuê xe của anh T rồi đem đi bán chị không biết, đến khi công an đến gặp chị làm việc chị mới biết sự việc. Quá trình điều tra, D đã nhờ chị lo tiền để bồi thường trả cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 350.000.000 đồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng nên chị không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, xác định đủ căn cứ chứng minh bị cáo Phan Văn D đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên cần buộc cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, tuy nhiên do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã bồi thường, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, người bị hại và người liên quan đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã nhiều năm tham gia quân ngũ nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 3, khoản 5 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Khoản 1 điều 54; điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn D từ 05 (năm) đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng tại biên lai thu số 0000896 ngày 22/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Tiền phạt bổ sung của bị cáo được khấu trừ vào số tiền đã nộp trên.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo một chứng minh thư mang tên Phan Văn D.

Về án phí: Căn cứ điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Văn D không bào chữa, không tranh luận gì. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bị hại anh Thân Minh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Thanh H không tranh luận gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại gì. HĐXX đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. HĐXX xét thấy đã triệu tập hợp lệ những người trên, đây là phiên tòa lần thứ hai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên do đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX căn cứ điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vụ án.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Phan Văn D tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại anh Thân Minh T, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân H, anh Cao Văn Bắc, chị Nguyễn Hồng H, chị Nguyễn Thị Nh và lời khai của những người làm chứng anh Phan Thế T, anh Nguyễn Công Th. Lời khai của bị cáo còn được chứng minh bởi các chứng cứ như Giấy cam kết bán xe máy, ô tô ghi ngày 01/5/2021; Hợp đồng cho thuê xe tự lái ghi ngày 02/5/2021; biên bản nhận dạng; chứng từ giao dịch chuyển tiền qua ngân hàng, vật chứng là xe ô tô đã thu giữ, kết quả giám định chữ viết của bị cáo Phan Văn D, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đối với tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Ngày 02/5/2021, Phan Văn D đi từ Lạng Sơn về thành phố Bắc Giang, D đã có ý định thuê xe ô tô tự lái để đi cảm cố lấy tiền để sử dụng, sau đó D đã gọi điện cho anh Thân Minh T, nói dối anh T cho D thuê xe đi giải quyết công việc, khiến anh T tin tưởng đã đồng ý cho T thuê xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển số 30E-970.50 với giá 1.300.000 đồng/01 ngày. Anh T và D đã lập hợp đồng thuê xe và D thanh toán cho anh T trước số tiền 10.000.000 đồng. Ngay sau khi thuê xe ô tô của anh T, D đã đem xe trên bán cho anh Nguyễn Xuân H với giá 350.000.000 đồng, D có viết giấy bán xe và chuyển giao các giấy tờ xe cho anh H. Trị giá tài sản xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển số 30E-970.50 đã được định giá là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai, nhưng vẫn thực hiện, lỗi của bị cáo là cố ý. Hành vi của bị cáo gian dối về thông tin với người cho thuê xe ô tô, sau đó đã tự ý bán xe không được sự đồng ý của chủ sở hữu, mục đích để chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được nhà nước bảo vệ. Với tài sản chiếm đoạt trên, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 điều 174 BLHS. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo cùng gia đình đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại nên được áp dụng điểm b khoản 1 điều 51

BLHS; người bị hại anh Thân Minh T và người liên quan anh Nguyễn Xuân H có đơn xin không truy cứu trách nhiệm hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra trước đây bị cáo có thời gian tham gia quân ngũ nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 điều 51 BLHS.

Từ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, nên buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình, HĐXX xét nhân thân, thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, nên căn cứ điều 54 BLHS, HĐXX quyết định áp dụng cho bị cáo mức hình phạt dưới khung hình phạt bị truy tố là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi, ngoài hình phạt chính HĐXX còn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền để sung công quỹ nhà nước theo khoản 5 điều 174, số tiền phạt bổ sung như đề xuất của kiểm sát viên HĐXX xét thấy là phù hợp nên áp dụng cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã trả lại cho anh Thân Minh T chiếc xe ô tô biển số 30E-970.50 kèm theo giấy tờ xe gồm đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy chứng nhận kiểm định, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với anh Nguyễn Xuân H đã được bị cáo và gia đình bồi hoàn số tiền mua xe ô tô 350.000.000 đồng, anh H không yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với chị Vũ Thị Thanh H đã trực tiếp đứng ra bồi thường cho bị cáo, chị Huyền không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7]. Về vật chứng:

Đối với 01 chứng minh nhân dân của bị cáo Phan Văn D đã bị thu giữ, do đây là giấy tờ tùy thân nên HĐXX trả lại cho bị cáo theo quy định tại điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với việc chị Nguyễn Hồng H đã nộp thay cho bị cáo Phan Văn D số tiền 20.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000896 ngày 22/12/2022 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, số tiền trên được xử lý khi cơ quan thi hành án dân sự thi hành hình phạt bổ sung, án phí bị cáo D phải chịu theo bản án.

[8]. Đối với những người liên quan

Đối với anh Nguyễn Xuân H đã mua xe ô tô Mazda 3 biển số 30E-970.50, quá trình giao dịch mua xe, anh H không biết đây là tài sản do D chiếm đoạt của

người khác do đó cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định không xử lý trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật. Đối với anh Cao Văn B là em họ của anh H, được anh H nhờ đến làm thủ tục mua xe với bị cáo D, anh B cũng không biết nguồn gốc tài sản D lừa đảo chiếm đoạt của người khác, nên cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự của anh B, HĐXX xét thấy là đúng.

Đối với chị Nguyễn Hồng H, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác định được chủ sử dụng số tài khoản 108004593003 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là chị Nguyễn Hồng H, ngày 02/5/2022 có giao dịch chuyển khoản đến với số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình điều tra, chị H khai chị làm dịch vụ chuyển hàng và chuyển tiền nên khi D nhờ thì chị chuyển số tiền 200.000.000 đồng theo yêu cầu của D, chị H không biết nguồn gốc số tiền là do D phạm tội mà có. Bị cáo cũng xác định nhờ chị H chuyển tiền giúp trả cho chủ hàng người Trung Quốc, do đó không có căn cứ xác định chị H đồng phạm với D trong việc lừa dối anh Thân Minh T để chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với chị H, HĐXX thấy là đúng pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 54; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung.

Căn cứ điều 106; Điều 135, Điều 136; Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phan Văn D 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung công quỹ nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

4. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Phan Văn D 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Văn D.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng của Phan Văn D đã nộp tại biên lai thu số 0000896 ngày 22/12/2022 (do chị Nguyễn Hồng H nộp thay) được trừ vào khoản tiền án phí, tiền phạt bổ sung của bị cáo phải chịu theo bản án đã tuyên. Số tiền còn lại sau khi đã thi hành án, được trả lại cho bị cáo nếu như bị cáo không phải

thi hành trách nhiệm dân sự, án phí, tiền phạt theo bản án, quyết định khác đã có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí: Bị cáo Phan Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- TAND, VKSND Tỉnh Bắc Giang
- VKSND TP Bắc Giang
- THADS TP Bắc Giang
- Công an TP Bắc Giang
- Những người TGTT;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng